

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/04/2019

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bình

Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

3. Người làm chứng:

- Bà Ngô Thị D, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, thường xuyên chơi bời, rượu chè về nhà đánh đập, chửi bới chị L. Mặc dù chị L và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 7 năm 2018, hai bên sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai mà không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị L khởi kiện xin ly hôn anh T.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị L trình bày là đúng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng có hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L đi làm bị hỏng xe nhưng không biết đi sửa mà gọi anh T lên xã H, huyện T để sửa xe. Do bức tức về việc phải chạy bộ từ nhà nên xã H. Vì vậy, anh T chửi bới, xúc phạm chị L. Khi vợ chồng về nhà, anh đã đuổi chị L đi. Hai bên sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Việc chị L làm đơn xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh T đều xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 05/10/2005; Nguyễn Đức Quang L, sinh ngày 10/02/2010 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/6/2012. Sau khi ly hôn, chị L nhận nuôi cả 03 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Quan điểm của anh T đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Ngô Thị D (mẹ đẻ anh T) trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn. Mặt khác, anh T lại rượu chè, chị L khuyên bảo, nhưng anh T không nghe. Từ tháng 8/2018 đến nay, hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Việc chị L làm đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Người làm chứng bà Trần Thị S (mẹ đẻ chị L) trình bày: Nguyên nhân chị L và anh T mâu thuẫn là do anh T nghiện rượu thường xuyên chửi bới, đánh đập chị L. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay, chị L đã về sinh sống cùng gia đình bà. Anh T cũng 02 lần đến nhà bà xin lỗi chị L nhưng không thiện chí. Nay chị L làm đơn xin ly hôn bà mong muốn Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

Bà Vũ Thị H – Chủ tịch hội phụ nữ xã T cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên rượu chè, say xỉn về nhà đánh đập chị L. Hai bên sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Hội phụ nữ xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; **bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.**

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Đức T; Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Đức Quang L; giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức M. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Những người làm chứng đều vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Thậm chí, có lần anh T còn đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị L. Ngoài ra, anh T thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến công việc gia đình. Do mâu thuẫn gia đình trầm trọng, nên từ tháng 7 năm 2018, hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai mà không có biện pháp nào cải thiện quan hệ tình cảm giữa hai người.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bản thân anh T xác định nếu chị L kiên quyết ly hôn, anh T cũng nhất trí. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị L ly hôn anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Chị L và anh T đều xác định có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 05/10/2005; Nguyễn Đức Quang L, sinh ngày 10/02/2010 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/6/2012. Sau khi ly hôn, chị L và anh T đều nhận nuôi cả 03 con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc bảo vệ quyền lợi của con. Hiện nay, cả 03 con đang tuổi ăn học, nếu một mình anh T hoặc một mình chị L nuôi cả 03 con sẽ không đảm bảo. Xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hoài T và Nguyễn Đức Quang L đều xin ở với anh T. Mặt khác, hai cháu đang học tại Trường tiểu học và THCS xã T, huyện T. Để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt cũng như việc học tập, đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 70, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Hoài T và cháu Quang L; giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Đức M là phù hợp quy định pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, không chấp nhận việc chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Khoản 4

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 05/10/2005 và Nguyễn Đức Quang L, sinh ngày 10/02/2010; giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức M, sinh ngày 27/6/2012 kể từ tháng 04 năm 2018 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau

Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 theo biên lai thu số AA/2017/0000285 ngày 13/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trường Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang